



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HO KIM CUONG
Last Middle First

Current Address 64/2 Tran Phu Street

Date of Birth 12/09/1941 Place of Birth Saigon

Previous Occupation (before 1975) Major & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06-1975 To 11-1984

3. SPONSOR'S NAME: _____

FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRAN. THI - TUYET MAI	1948	wife
HO THI MAI HUONG	1968	daughter
HO THI MAI HAN	1969	daughter
HO TRAN PHUONG	1970	son
HO THI MAI TRAM	1971	daughter
HO TRAN PHI	1973	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Thủ Đức

Trại

Số 942 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thị trấn an Văn, quyết định thả số 330 ngày 29 tháng 9 năm 1984

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Hồ Kim Cường** Sinh năm 19 **41**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Sa đéc**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **64/2 đường Trần phú, thị xã Sa đéc, Đồng Tháp.**

Can tội **Thiếu tá xử lý thường vụ tham mưu phó O. tranh chính trị.**

Bị bắt ngày **20-6-75** Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại **64/2 đường Trần phú, thị xã Sa đéc, Đồng Tháp.**

Nhận xét quá trình cải tạo

- Quá trình cải tạo ở trại anh Cường đã cố gắng. Trong lao

động, học tập và chấp hành nội qui trại có tiến bộ.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (mười hai tháng)

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (mười hai tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, Nơi về cư trú

Trước ngày 7 tháng 11 năm 1984

Lên tay ngón trỏ phải

Của **Hồ Kim Cường**

Danh bản

Lập tại

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày 5 tháng 11 năm 1984

Giám thị

Cường

La

Châu Văn...

Kính nhân CAL B'
Đ/S ở đảo tưng
bố ngày 8. 11. 84

TM CAL

Fs' CA



học

Wine 5.11.84

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV #

TO: ORDERLY DEPARTMENT OFFICE
Pakabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. BASIC IDENTIFICATION DATA:

1. Name: HỒ KIM CƯỜNG sex: male
2. Other Name: none
3. Date/Place of Birth: December 9, 1941 Sadec (South VN)
4. Residence Address: 64/2 Trần Phú, Sadec (tỉnh Tháp)
5. Mailing Address: 50 Trần Minh Quyền, Quận 10, TP/Hồ Chí Minh
6. Current Occupation: Former Officer of RVNAF.

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME:

Name	Date/Place of Birth	Sex	US	Relationship
1. Trần thị TUYẾT-MAI	January 13, 1947 Sadec	F	M	Wife
2. Hồ thị MAI HƯƠNG	January 2, 1968 Sadec	F	S	daughter
3. Hồ thị MAI HÂN	February 28, 1969 Sadec	F	S	daughter
4. Hồ Trần PHƯƠNG	February 27, 1970 Sadec	M	S	son
5. Hồ thị MAI TRẦN	October 20, 1971 Sadec	F	S	daughter
6. Hồ Trần PHI	January 2, 1972 Sadec	M	S	son

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM:

1. Closest relative in the US: None
2. Closest relative in the other foreign countries: None

D. COMPLETE FAMILY LISTING:

1. Father: Hồ Văn Hay, dead in 1968.
2. Mother: Hồ Thị Biền, living in VN.
3. Spouse: Trần Thị Tuyết Mai, living in VN.
4. Former Spouse: None

5. Children:

- (1) Hồ Thị Mai Hương, living in VN
- (2) Hồ Thị Mai Hân
- (3) Hồ Trần Phương
- (4) Hồ Thị Mai Trần
- (5) Hồ Trần Phi

6. Siblings:

- (1) Hồ Văn Kiệt (brother) born in 1937, living in VN
- (2) Hồ Thị Oanh (sister) born in 1939, -
- (3) Hồ Thị Cúc (sister) born in 1943, -
- (4) Hồ Thị Chi (sister) born in 1945, -
- (5) Hồ Thị Tiếc (sister) born in 1947, -
- (6) Hồ Thị Trâm (sister) born in 1949, -

F. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR
OTHER US ORGANIZATION BY YOU OR YOUR SPOUSE
None

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of Person Serving: Myself Hồ Kim Cường
2. Dates: From: March 12, 1962 To: April 30, 1975
3. Last Rank: Major / Regional Force
4. Ministry Office / Military Unit:
Sector of SADEC (APO 2835)
5. Name of Supervisor:
Colonel LE KHANH (Sector Chief)
6. Reason for separation: After the day April 30, 1975
7. Name of American Advisors:
Col CLEMENT WILLS (PSA/Kien Phung Sector Advisory
John Tine Camp, APO - SF Calif 96215 - Team 84)
8. US Training Courses in Vietnam: None
9. US Awards or Certificates: None

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE
None

H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of Person in reeducation: Myself Hồ Kim Cường
2. Time in reeducation:
From: June 20, 1975 To: November 5, 1984
Total time in reeducation: 9 years, 5 months and 15 days
3. Still in reeducation: No

I. ANY ADDITIONAL REMARKS?

For checking this questionnaire, please get in touch with
these following persons:

- (1) Colonel Trần Thanh NHIÊN, my former Commander
Address: 1155 Dudash Court, San Jose, CA 95122-USA
- (2) Major Nguyễn Văn LÔI (same unit as mine in Kien Phung -
sector)
Address: Box 522, RR1, Lagrange IN 46764-USA

Signature

Date: Saigon January 23, 1986

Cook

Here attached: 1 copy of release certificate
1 marriage certificate
5 birth certificates -
7 photos

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV #

TO: ORDERLY DEPARTURE OFFICE
Pakabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. BASIC IDENTIFICATION DATA:

1. Name: HỒ KIM CƯỜNG sex: male
2. Other Name: none
3. Date/Place of Birth: December 9, 1941 Sadec (South VN)
4. Residence Address: 64/2 Trās Phú, Sadec (Đông Tháp).
5. Mailing Address: 50 Trās Minh Quyền, Quā 10, TP/Hồ Chí Minh.
6. Current Occupation: Former Officer of RVNAF.

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME:

Name	Date/Place of Birth	Sex	US	Relationship
1. Trās thi TUYẾT-MAI	January 13, 1947 Sadec	F	M	Wife
2. HỒ thi MAI-HƯỜNG	January 2, 1968 Sadec	F	S	daughter
3. HỒ thi MAI-HÂN	February 28, 1969 Sadec	F	S	daughter
4. HỒ Trās PHƯƠNG	February 27, 1970 Sadec	M	S	son
5. HỒ thi MAI TRÂM	October 20, 1971 Sadec	F	S	daughter
6. HỒ Trās PHI	January 2, 1973 Sadec	M	S	son

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM:

1. Closest relative in the US: None
2. Closest relative in the other foreign Countries: None

D. COMPLETE FAMILY LISTING

1. Father: HỒ Văn Hạng, dead in 1968.
2. Mother: HỒ thi Biếu, living in VN.
3. Spouse: Trās thi Tuyết Mai, living in VN.
4. Former Spouse: None
5. Children:
 - (1) HỒ thi Mai Hương, living in VN
 - (2) HỒ thi Mai Hân, -
 - (3) HỒ Trās Phương, -
 - (4) HỒ thi Mai Trâm, -
 - (5) HỒ Trās Phi, -
6. Siblings:
 - (1) HỒ Văn Kiệt (brother) born in 1937, living in VN
 - (2) HỒ thi Oanh (sister) born in 1939, -
 - (3) HỒ thi Cúc (sister) born in 1943, -
 - (4) HỒ thi Chi (sister) born in 1945, -
 - (5) HỒ thi Tiếc (sister) born in 1947, -
 - (6) HỒ thi Trâm (sister) born in 1949, -

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR
OTHER US ORGANIZATION BY YOU OR YOUR SPOUSE

None

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of Person Serving: Myself Hồ Kim Cường
2. Dates: From: March 12, 1962 To: April 30, 1975
3. Last Rank: Major / Regional Force. Serial No 41/134163
4. Ministry Office / Military Unit:
Sector of SADEC (APO 8835)
5. Name of Supervisor:
Colonel LE KHÁNH (Sector Chief)
6. Reason for separation: After the day April 30, 1975
7. Name of American Advisors:
Col CLEMENT WILLS (PSA/Kien Phung Sector Advisory
John Tine Camp, APO: SF Calif 96215 - Team 84)
8. US Training Courses in Vietnam: None
9. US Awards or Certificates: None

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE
None

H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of Person in reeducation: Myself Hồ Kim Cường
2. Time in reeducation:
From: June 20, 1975 To: November 5, 1984
Total time in reeducation: 9 years, 5 months and 15 days -
3. Still in reeducation: No

I. ANY ADDITIONAL REMARKS?

For checking this questionnaire, please get in touch with
these following persons:

- (1) Colonel Trần Thanh NHIÊN, my former Commander
Address: 1155 Dudash Court, San Jose, CA 95122-USA
- (2) Major Nguyễn Văn LỢI (same unit as mine in Kien Phung -
sector)
Address: Box 522, RR1, Lagrange IN 46761-USA

Signature

Date: Saigon January 23, 1986.

Cường

Here attached: 1 copy of release certificate
1 marriage certificate
5 birth certificates -
7 photos

Kính Chi - BAY.

Em rất vui mừng khi đọc lá thư của
Chị, thấy an ủi là. Chỉ còn ngli đến tháng
em này.

Em về được 14 tháng liền ở xa Satec
với Ma, và con và 2 đứa em gái Cui, Trinh, đến
nay cũng chưa lập gia đình, sống vậy lần lượt
mười mấy gia. Em có ruộng vườn để thăm anh
Hai và nghe nói sắp cưới và cho thấy con trai
trước Tết này. Anh Hai giờ thì ốm và đến,
sau 10 năm xa cách gặp lại anh cũng mừng lắm.
Tủi như em vào trông đất nhà chị cũng gần,
hầu như ngày nào cũng gặp, thấy Thôi con,
anh Hai đi chợ hay về dưới vườn, Thôi tất
như ở phía trước nhà, còn phía sau vườn

Thị trưởng...
Đã...
không...
lưu...
luong...
đang...
đang...
đang...

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH SADEC

QUẬN CHÂU-THÀNH

XÃ TÂN-VĨNH-HÒA

Hồ sơ Quân-nhân

TRÍCH - LỤC CHỨNG THƯ HÔN THỦ

Tên họ người chồng Hồ - Kim - Cương
Số hiệu 154 Nghề nghiệp Thiếu-Ủy Tiểu-Khu Kiến-Phong
Sanh ngày 9 tháng 12 năm 1941
Tại Maternité Sadec
Cư sở tại Tân-vĩnh-hòa Sadec
Tạm trú tại _____
Tên họ cha chồng Hồ - Văn - Hay (sống)
Sống chết phải nói
Tên họ mẹ chồng Hồ - Thị - Miếu (sống)
Sống chết phải nói
Tên họ người vợ Trần-thị - Tuyết-Mai
Nghề nghiệp Giáo-Viên
Sanh ngày 13 tháng 01 năm 1947
Tại Tân-vĩnh-hòa hộ Vĩnh-phước Sadec
Cư sở tại Tân-vĩnh-hòa Sadec
Tạm trú tại _____
Tên họ cha vợ Trần - Văn - Minh (chết)
Sống chết phải nói
Tên họ mẹ vợ Võ - Thị - Nhiều (sống)
Sống chết phải nói
Ngày cưới Mười bảy tháng mười một năm 1966 dương-lịch
Vợ chồng có hay không lập hôn khê _____
Ngày _____ tháng _____ năm _____
Tại _____

TRÍCH LỤC BỐN CHÁNH

Tân-vĩnh-hòa, ngày I tháng 8 năm 1967
CHỦ TỊCH kiêm U.V. HỘ TỊCH

Nhận thực chữ ký của
ỦY TỊCH CHÁNH XÃ
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TÂN-VĨNH-HÒA
S. d. l. 1967
QUẢN-TRƯỞNG
CHỦ-QUẢN-TRƯỞNG
TỈNH-SADEC
NGUYỄN-TÂN-DÌNH



CHỦ TỊCH HỘ TỊCH

Thành phố HCM ngày 16.1.86

Chị Thu thân mến,

Chưa chi: Tôi là chị vợ của Hồ Kim Cường ở Sadeo. Tôi có nhân hồ sơ chi gửi cho Cường, vì em ấy ở Sadeo nên chúng tôi đã viết xong và xin gửi đến Chi để Chi giúp đỡ đùm em ấy. Theo đây tôi cũng có gửi giấy ra trại của Trần Huỳnh Chánh là chồng tôi vừa được thả về gần ba tháng nay. Vì tình đồng quê hương xin Chi giúp đỡ và chồng em chi nhé! Hồ sơ nếu cần gì thêm xin Chi liên lạc với bốn đứa con em ở địa chi: KHOA TRAN

Sacramento Ca 95828
USA.

Một lần nữa vợ chồng tôi và vợ chồng Cường xin chúc Chi Bảy sức Khỏe dồi dào và chúc Chi hưởng một cái Tết thật vui nơi cũ chi nhé! Chào chi

Cần van

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P. APPLICANTS

ODP IV #

Date: January 7, 1986.

To: ODP, Departure Office
Pankabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 1020 - Thailand

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name: HỒ Kim CUÔNG Sex: male

2. Other Name: None

3. Date and Place of Birth: December 9, 1941 in Satec

4. Residence address: 64/2 Trần Phú, Satec

5. Mailing address: 50 Trần Minh Quyền, Q10, TP/Hochiminh

6. Current Occupation: Former Officer of RVNAF

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

Name	Date/Place of Birth	Sex	US	Relationship
1. Trần Thị Tuyết Mai	1947 Satec	Female	M	Wife
2. Hồ Thị Mai Hương	1968 Satec	Female	S	daughter
3. Hồ Thị Mai Hân	1969 Satec	Female	S	daughter
4. Hồ Trần Phương	1970 Satec	male	S	son
5. Hồ Thị Mai Trâm	1971 Satec	Female	S	daughter
6. Hồ Trần Phi	1973 Satec	male	S	son

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

Closest in the US: None

D. COMPLETE FAMILY LISTING (living/dead)

1. Father: Hồ Văn Hải, dead in 1968

2. Mother: Hồ Thị Biền, living at 64/2 Trần Phú, Satec

3. Spouse: Trần Thị Tuyết Mai, living at 64/2 Trần Phú, Satec

4. Former Spouse: None

5. Children:

(1) Hồ Thị Mai Hương, born in 1968, living

(2) Hồ Thị Mai Hân, 1969, living

(3) Hồ Trần Phương, 1970, living

(4) Hồ Thị Mai Trâm, 1971, living

(5) Hồ Trần Phi, 1973, living

E. SIBLINGS:

- Hồ Văn Kiệt, born 1937, brother, living in Cao Lanh Province

- Hồ Thị Cầu, 1939, sister, Da Nang City

Hồ Thị Cúc, born 1944, sister, living at 64/2 Trás Phú, Sà Đéc
HỒ THỊ CHÌ, 1946, sister, living at Thủ Đức district
HỒ THỊ TIẾC, 1948, sister, living Thủ Đức district
HỒ THỊ TRIỆU, 1951, sister, living 64/2 Trás Phú Sà Đéc

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

None

F. SERVICE WITH GVN or RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person serving: myself HỒ KIM CƯỜNG.
2. Date: From: March 12, 1962 To April 30, 1975
3. Last Rank: Major / Regional Forces Serial No: 41/134.163
4. Ministry/office/military unit: Sector of Sà Đéc (APO 3835)
5. Name of supervisor/C.O.: Full Colonel LÊ KHANH.
6. Reason for separation: After the Day, April 30, 1975 in Vietnam.

7. Name of American advisors: Colonel Clement Willis
PSA / Kiến Phong Sector Advisory Team 84
John Tine Camp, APO: SF California 96215

8. US Training Course in Vietnam: None

9. US Awards or Certificates: None

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person in reeducation: myself HỒ KIM CƯỜNG
2. Total time in reeducation: 9 years, 5 months 15 days
3. Still in reeducation: No (From June 20, 1975 to November 5, 1984)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS:

In case of checking my Identification, please get in touch with these persons as follow:

1. Full Colonel TRẦN THANH NHIÊN (my former supervisor)
Address: 1155 Dudaosh Court, San Jose, CA 95122 USA
2. Major NGUYỄN VĂN LỢI (same unit of mine in Kiến Phong Sector)
Address: Box 522, RR1, Lagrange In 46,761 USA

signature

Cuong

Date: January 7, 1986.

Here attached: 1 copy of my release certificate
- 1 marriage certificate
- 5 birth certificates

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

SADEC

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Xã Tân-vĩnh-hòa(Sadec)

(NAM PHẦN)
(Sud Việt-Nam)

NĂM 1971
(Année)

SỐ HIỆU 869
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	HỒ-THỊ-MAI-TRÂM
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	NỮ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Hai mươi tháng mười một năm 1971
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tân-vĩnh-hòa(Sadec)
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Hồ-Kim-Cương
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Quân nhân
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	K.B.C 4902
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần-thị-Tuyết-Mai
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Tân-vĩnh-hòa
Vợ chánh hay thứ. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

SADEC

30.12.74

ngày

197

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



ĐỒNG LƯU-ĐIỀU

Giá tiền : 15800
(Coût)
Biên-lai số : 3857/5b/HVS
(Quittance No)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SADEC
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Xã Tân-vĩnh-hòa (Sadec)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1968
(Année)

SỐ HIỆU 09
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	HỒ-THỊ-MAI-HƯƠNG
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	NỮ
Sinh ngày nào (Date de naissance)	02 tháng 01 đ1 1968
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Bảo sanh viện Sadec
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Hồ-Kim-Cương
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Quân nhân
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	K.B.C 4902
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần-thị-Tuyết-Mai
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-vĩnh-hòa
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

SADEC, ngày 30.12 1974

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



ĐỒNG VẤN HIỆU

Giá tiền: 15\$00
(Coût)

Biên-lai số: 3857/56/MVS
(Quittance No)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE **SADEC**)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Xã Tân-vĩnh-hòa (Sadec)

(NAM PHẦN)

(Sud Viêt-Nam)

NĂM
(Année) **1969**

SỐ HIỆU
(Acte No) **311**

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	HỒ-THỊ-MAI-HÂN
Sanh ngày nào (Date de naissance)	NỮ
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Haimười tám tháng hai năm 1969
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nhà sanh Bắc sĩ Chấn Sadec
Cha làm nghề gì (Sa profession)	HỒ-Kim-Cường
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thiếu-ủy
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	K.B.C 4902
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Trần-thị-Tuyết-Mai
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Nội trợ
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Tân-vĩnh-hòa

Vợ chánh

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

_____, ngày _____ 197__

SAD **CHÁNH LỤC-SỰ** **4**
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giá tiền: _____

(Coût) **15000**

Biên-lai số: _____

(Quittance No) **3857/5b/NVS**

[Signature]

ĐỒNG-LAN-ĐIỂM

FROM:

Cường

64/2 Trần Phú - SADEC

(VN)



TO:

MINH THO

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205.0635

USA



PAR AVION VIA AIR MAIL

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH SADEC
QUẬN CHÂU-THANH
XÃ TAN-VINH-HÒA

Hồ sơ Quân-nhân

TRÍCH - LỤC CHỨNG THƯ HÔN THỦ

Số hiệu 154

Tên họ người chồng Hồ - kim - Cường

Nghề nghiệp Thiếu-Ủy Tiểu-Khu Kiến-Phong

Sanh ngày 9 tháng 12 năm 1941

Tại Maternité Sad ec

Cư sở tại Tan-vinh-hòa Sadec

Tạm trú tại

Tên họ cha chồng Hồ- văn- Hay (sống)

Sống chết phải nói

Tên họ mẹ chồng Hồ- thị- Biếu (sống)

Sống chết phải nói

Tên họ người vợ Trần-thị - Tuyết-Mai

Nghề nghiệp Giáo-Viên

Sanh ngày 13 tháng 01 năm 1947

Tại Tan-vinh-hòa hộ Vĩnh-phước Sadec

Cư sở tại Tan-vinh-hòa Sadec

Tạm trú tại

Tên họ cha vợ Trần- văn- Minh (chết)

Sống chết phải nói

Tên họ mẹ vợ Võ- thị- Nhiều (sống)

Sống chết phải nói

Ngày cưới Mười bảy tháng mười một năm 1966 dương-lịch

Vợ chồng có hay không lập hôn khê

Ngày tháng năm

Tại

TRÍCH LỤC BỐN CHÍNH

Tanvinhoa, ngày 1 tháng 8 năm 1967

CHỖ TỊCH KIỂM U.V. HỘ TỊCH

Nhận theo chỉ thị cũ
ỦY BAN CHÁNH XÃ
TAN-VINH-HÒA
8.1.1967
QUẢN-TRƯỞNG
NGUYỄN-TÂN-BÌNH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
CHỖ TỊCH KIỂM U.V. HỘ TỊCH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH SADEC

QUẬN CHÂU-THANH

XÃ TAN-VINH-HOA

TRÍCH - LỤC CHỨNG THƯ HÔN THỦ

Số hiệu : I54

Tên họ người chồng Hồ-kim - Cường

Nghề nghiệp Thiếu-Uỷ Tiểu-Khu Kiến-Phong

Sanh ngày 9 tháng 12 năm 1941

Tại Maternité Sadec

Cư sở tại Tân-vinh-hòa Sadec

Tạm trú tại

Tên họ cha chồng Hồ-văn-Hay (sống)

Sống chết phải nói

Tên họ mẹ chồng Hồ-thị-Biểu (sống)

Sống chết phải nói

Tên họ người vợ Trần-thị - Tuyết-Mai

Nghề nghiệp Giáo-Viên

Sanh ngày 13 tháng 01 năm 1947

Tại Tân-vinh-hòa hộ Vĩnh-phước (Sadec)

Cư sở tại Tân-vinh-hòa Sadec

Tạm trú tại

Tên họ cha vợ Trần-văn-Minh (chết)

Sống chết phải nói

Tên họ mẹ vợ Võ-thị-Nhiều (sống)

Sống chết phải nói

Ngày cưới Mười bảy tháng mười một năm 1966 dương-lịch

Vợ chồng có hay không lập hôn khê

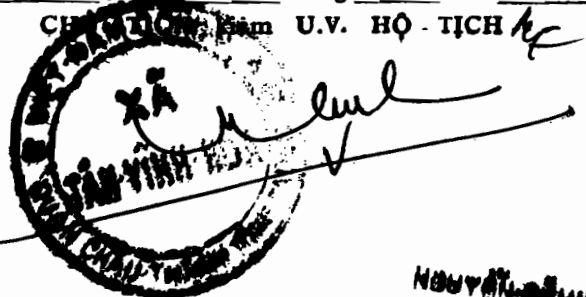
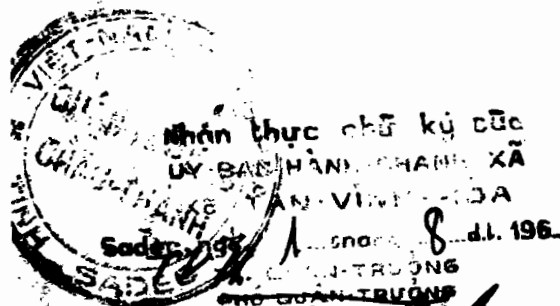
Ngày tháng năm

Tại

TRÍCH LỤC BẢN CHÍNH

Tânvinhhòa, ngày 1 tháng 8 năm 1967

CHỖ ĐÓNG CHỮ U.V. HỘ TỊCH



NGUYỄN-ĐUỠI-KINH

BỘ NỘI VỤ
Thị trấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Học tập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại

Số 942 GRT

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thị trấn án văn, quyết định tha số 330 ngày 29 tháng 9 năm 1984

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Hồ Kim Cương

Sinh năm 19

41

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Sa đéc

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

64/2 đường Trần phú, thị xã Sa đéc, Đồng Tháp.

Can tội Thiếu tá xử lý thường vụ tham mưu phó U. tranh chấp trại.

Bị bắt ngày 20-6-75

Án phạt

220T

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án

lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

64/2 đường Trần phú, thị xã Sa đéc, Đồng Tháp.

Nhận xét quá trình cải tạo

- Quá trình cải tạo ở trại anh Cương đã cố gắng. Trong lao

động, học tập và chấp hành nội qui trại có tiến bộ.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (mười hai tháng)

- Tiền đi đường đã cấp trả trại về đến gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Nơi về cư trú

Trước ngày 7 tháng 11 năm 1984

Lấn tay ngón trỏ phải

Của Hồ Kim Cương

Đặt bìn

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Cương

Ngày 5 tháng 11 năm 1984

Giám thị

Thiếu tá Trần Sĩ

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SADEC
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Xã Tân-vĩnh-hòa (Sadeo)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1973
(Année)

SỐ HIỆU 12
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	HỒ-TRẦN-PHI
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Hai tháng giêng năm 1973
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tân-vĩnh-hòa Sadeo
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Hồ-Kim-Cương
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Quân nhân
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	K.B.C 4902
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần-thị-Tuyết-Mai
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-vĩnh-hòa
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

SADEC, ngày 30.12 1974

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền: 15000
(Coût)

Biên-lai số: 3857/5b/NV8
(Quittance No)



Handwritten signature and initials.

BỘ NỘI VỤ
Thị trấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Số 442 GRT

--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1963 của Bộ Nội vụ;

Thị trấn văn, quyết định thị số

330

ngày 29 tháng 9 năm

1984

của

Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy ra cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Hồ Kim Cương

Sinh năm 19

41

Các tên gọi khác

Sa đóc

Nơi sinh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

64/2 đường Trần phú, thị xã Sa đóc, Đồng Tháp.

Cán tội

Thiếu tá xử lý thường vụ tham mưu phó O. tranh chính trị.

Bị bắt ngày

20-6-75

Án phạt

TTCT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án

lần, công thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, công thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

64/2 đường Trần phú, thị xã Sa đóc, Đồng Tháp.

Nhận xét quá trình cải tạo

- Quá trình cải tạo ở trại anh Cương đã cố gắng. Trong lao

động, học tập và chấp hành nội qui trại có tiến bộ.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (mười hai tháng)

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (mười hai tháng)

Nơi về cư trú

Ngày 7 tháng 11 năm 1984

Làm tay ngón trỏ phải

Của Hồ Kim Cương

Danh bìn

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Cương

Ngày 5 tháng 11 năm 1984
Giám thị

Trần Phú

Chức vụ: Giám thị

GIẤY RA TRẠI

khắc năm 1984

Đ/Đ - 6 đấng tưng

ngày 8. 11. 84

TM CAG

F/CA



PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SADEC
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Xã Tân-vĩnh-hòa(SaDEC)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)
(Sud Việt-Nam)

NĂM 1971
(Année)

SỐ HIỆU 869
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	HỒ-THỊ-MAI-TRÂM
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	NỮ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Hai mươi tháng mười một năm 1971
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tân-vĩnh-hòa(SaDEC)
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Hồ-Kim-Cường
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Quân nhân
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	K.B.C 4902
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần-thị-Tuyết-Mai
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Tân-vĩnh-hòa
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

SADEC, ngày 30.1.1974

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



BỔNG J.A. ĐIỀU

Giá tiền: 15000
(Coût)

Biên-lai số: 3857/5b/NVS
(Quittance No)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SADEC
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Xã Tân-vĩnh-hòa(SaDEC)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1971
(Année)

SỐ HIỆU 869
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>HỒ-THỊ-MAI-TRÂM</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Nữ</u>
Sanh ngày nào (Date de naissance)	<u>Hai mươi tháng mười một năm 1971</u>
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>Tân-vĩnh-hòa(SaDEC)</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>HỒ-Kim-Cường</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>Quân nhân</u>
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	<u>K.B.C 4902</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Trần-thị-Tuyết-Mai</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>Nội trợ</u>
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	<u>Tân-vĩnh-hòa</u>
Vợ chánh hay thứ. (Son rang de femme mariée)	<u>Vợ chánh</u>

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

SADEC, ngày 30.12.74

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



BỔNG LỤC-SỰ

Giá tiền: 1500
(Coût)
Biên-lai số: 3857/5b/NVS
(Quittance No)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SADEC
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Xã Tân-vĩnh-hòa(SaDEC)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1971
(Année)

SỐ HIỆU 869
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	HỒ-THỊ-MAI-TRAM
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Hai mươi tháng mười một năm 1971
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tân-vĩnh-hòa(SaDEC)
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Hồ-Kim-Cương
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Quản nhân
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	K.B.C 4902
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần-thị-Tuyết-Mai
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Tân-vĩnh-hòa
Vợ chánh hay thứ. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

SADEC, ngày 30.12.1974

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền: 1500
(Coût)

Biên-lai số: 3857/5b/NVS
(Quittance No)



BỔNG LỤC-SỰ

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SADEC
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Xã Tân-vĩnh-hòa (Sadec)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHÂN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1968
(Année)

SỐ HIỆU 09
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	HỒ-THỊ-MAI-HƯƠNG
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sinh ngày nào (Date de naissance)	02 tháng 01 đ1 1968
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Bảo sanh viện Sadec
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	HỒ-Kim-Cường
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Quân nhân
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	K.B.C 4902
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần-thị-Tuyết-Mai
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-vĩnh-hòa
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Giá tiền: 15000
(Coût)

Biên-lai số: 3057/50/HVS
(Quittance No)

SADEC, ngày 30.12.1974

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



[Handwritten signature]

ĐỒNG VĂN-BIỂU

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

SADEC

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Xã Tân-vĩnh-hòa (Sadeo)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM **1968**
(Année)

SỐ HIỆU **09**
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	HỒ-THỊ-MAI-HƯƠNG
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	NỮ
Sinh ngày rằm (Date de naissance)	02 tháng 01 năm 1968
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Bảo sanh viện Sadeo
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Hồ-Kim-Cường
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Quản nhân
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	K.B.C 4902
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần-thị-Tuyết-Mai
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-vĩnh-hòa
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Giá tiền: **15000**
(Coût)

Biên-lai số: **3857/50/EVS**
(Quittance No)

SADEC, ngày **30.12.1974**

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



ĐỒNG VĂN-ĐIỀU

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM ~~SADEC~~
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH ~~Xã Tân-vĩnh-hòa (Sadee)~~
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM ~~1968~~
(Année)

SỐ HIỆU ~~09~~
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	HỒ-THỊ-HAI-HƯƠNG
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	NỮ
Sinh ngày rằm (Date de naissance)	02 tháng 01 năm 1968
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Bảo sanh viện Sadee
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Hồ-Kim-Cường
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Quản nhân
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	K.B.C 4902
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần-thị-Tuyết-Mai
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-vĩnh-hòa
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

~~SADEC~~, ngày ~~30.12 1974~~
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền: ~~1.000~~
(Coût)

Biên-lai số: ~~3857/50/1973~~
(Quittance No)



ĐỒNG VĂN-ĐIỀU

KHAI SANH

Tên họ đầu nhi :	Hồ Trần Phi
Phái :	Nam
Sinh :	02 tháng Giêng năm 1973
Ngày, tháng, năm	Tân Vĩnh Hòa Sadoc
Tại :	
Cha :	Hồ Kim Cường
Tên họ	
Tuổi :	32 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư-trú tại:	KBC.4902
Mẹ :	Trần Thị Tuyết Mai
Tên họ	
Tuổi :	26 tuổi
Nghề :	Hội trợ
Cư-trú tại:	Tân Vĩnh Hòa
Vợ :	Vợ chánh
Chánh hay thứ	
Người khai:	Hồ Kim Cường
Tên họ	
Tuổi :	32 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư-trú tại:	KBC.4902
Ngày khai:	02 tháng 01 năm 1973
Người chứng thứ nhất:	Nguyễn Văn Tốt
Tên họ	
Tuổi :	35 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư-trú tại:	KBC.6057
Người chứng thứ nhì :	Phan Quý Tỉnh
Tên họ	
Tuổi :	31 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư-trú tại:	KBC.4902

VIỆN THI-THỰC
 năm chiểu V.T. 15 43 TC 1973
 của Bộ Nội-Vụ ngày 01 01 73

Lập tại XÃ Tân Vĩnh Hòa ngày 02 tháng 01 1973

Người khai

XÃ TRƯỞNG

Nhân Chứng

Kiểm Ủy Viên-Hộ-Tịch

Ký tên: Cường

Ký tên: Kính

Ký tên: Tốt, Tỉnh.



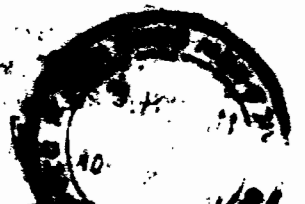
NGUYỄN-HỮU-KINH

Đã kiểm tra xong
và chấp thuận

Chữ

CHÍNH THỨC

Đã kiểm tra xong
và chấp thuận



Tên họ du nhĩ :	Nhữ Trần Phú
Phái :	Nam
Sinh :	02 tháng 01 năm 1973
Ngày, tháng, năm	Tân Vĩnh Hòa Sotoc
Tại :	
Cha :	Nhữ Kim Cường
Tên họ	
Tuổi :	32 tuổi
Nghề :	Quản nhân
Cư-trú tại :	KBC.4902
Mẹ :	Trần Thị Tuyết Nam
Tên họ	
Tuổi :	26 tuổi
Nghề :	Nhà trợ
Cư-trú tại :	Tân Vĩnh Hòa
Vợ :	Vợ chính
Chánh hay thứ	
Người khai :	Nhữ Kim Cường
Tên họ	
Tuổi :	32 tuổi
Nghề :	Quản nhân
Cư-trú tại :	KBC.4902
Ngày khai :	02 tháng 01 năm 1973
Người chứng thứ nhất :	Nguyễn Văn Tắt
Tên họ	
Tuổi :	35 tuổi
Nghề :	Quản nhân
Cư-trú tại :	KBC.6037
Người chứng thứ nhì :	Phạm Quý Tinh
Tên họ	
Tuổi :	21 tuổi
Nghề :	Quản nhân
Cư-trú tại :	KBC.4902

MIỀN THỊ-THỰC
 HỒ SƠ QUẢN LÝ TÀI SẢN
 CỦA BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN

Lập tại XH Tân Vĩnh Hòa ngày 02 tháng 01 1973

Người khai

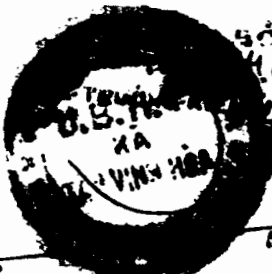
Ký tên: Cường

XÃ TRƯỞNG

Kiểm Ủy Viên-Hộ-Tịch
 Ký tên: Tinh

Nhân Chứng

Ký tên: Tắt, Tinh



NGUYỄN HỮU KIM

KHAI SANH

Tên họ du nhĩ : **Đỗ Trần Phú**
 Phái : **Nam**
 San h : **02 tháng 01 năm 1973**
 Ngày, tháng, năm
 T ạ i : **Tân Vĩnh Hòa Sadoo**
 C h a : **Đỗ Kim Cường**
 Tên họ
 T u ổi : **32 tuổi**
 N g h ề : **Quản nhân**
 Cư-trú tại: **KBC.4902**
 M ẹ : **Trần Thị Tuyết Nam**
 Tên họ
 T u ổi : **26 tuổi**
 N g h ề : **Nội trợ**
 Cư-trú tại: **Tân Vĩnh Hòa**
 V ợ : **Vợ chính**
 Chánh hay thứ
 Người khai: **Đỗ Kim Cường**
 Tên họ
 T u ổi : **32 tuổi**
 N g h ề : **Quản nhân**
 Cư-trú tại: **KBC.4902**
 Ngày khai: **02 tháng 01 năm 1973**
 Người chứng thứ nhất: **Nguyễn Văn Tắt**
 Tên họ
 T u ổi : **35 tuổi**
 N g h ề : **Quản nhân**
 Cư-trú tại: **KBC.6077**
 Người chứng thứ nhì: **Phạm Duy Tánh**
 Tên họ
 T u ổi : **28 tuổi**
 N g h ề : **Quản nhân**
 Cư-trú tại: **KBC.4902**

MIỀN TÂY-THỰC
 năm chính T.Đ. 43E-73
 của Đ.Đ. 43E-73

Lập tại XH **Tân Vĩnh Hòa** ngày **02** tháng **01** 19 **73**

Người khai

X Á TRƯỞNG

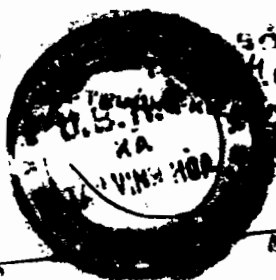
Nhân Chứng

Kiểm Ủy Viên-Hạ-Tịch

Ký tên: Cường

Ký tên: Kinh

Ký tên: Tắt, Tánh



NGUYỄN-MỸ-KIM

KHAI SANH

Số hiệu: 311

Tên họ ấu nhi: Hồ thị Mai Hân
 Giới: Nữ
 Sinh: Hai mươi tám tháng hai năm 1969
 (Ngày, tháng, năm)
 Tại: Nhà sanh báo sĩ chấn Sadec
 Cha: Hồ kim Cương
 (Tên họ)
 Tuổi: 28 tuổi
 Nghề nghiệp: Thiếu úy
 Cư trú tại: KBC 49 02
 Mẹ: Trần thị Tuyết Mai
 (Tên họ)
 Tuổi: 22 tuổi
 Nghề nghiệp: Hội trợ
 Cư trú tại: Tân Vĩnh Hòa
 Vợ: Vợ chánh
 Người khai: Hồ kim Cương
 (Tên họ)
 Tuổi: 28 tuổi
 Nghề nghiệp: Thiếu úy
 Cư trú tại: KBC 49 02
 Ngày khai: 03 tháng 03 năm 1969
 Người chứng thứ nhất: Trần văn Sanh
 (Tên họ)
 Tuổi: 32 tuổi
 Nghề nghiệp: Quân nhân
 Cư trú tại: KBC 3516
 Người chứng thứ nhì: Hồ văn Bì
 (Tên họ)
 Tuổi: 22 tuổi
 Nghề nghiệp: Giáo viên
 Cư trú tại: Tân Vĩnh Hòa

Làm tại Tân Vĩnh Hòa ngày 03 tháng 03 năm 1969

Người khai,

Hộ lại,

Nhân chứng

Tên: Cương

Ký Tên: Kính

Ký Tên: Sanh: Bì

Đã nhận thực chữ ký của
 Ủy ban Hành chính Xã
 Xã Tân Vĩnh Hòa
 T. L. QUẢN TRƯỞNG
 M. QUẢN TRƯỞNG
 Sadec, ngày 3 tháng 3 năm 1969
 Nguyễn Hữu Kim

ỦY BAN HÀNH CHÍNH XÃ
 TÂN VĨNH HÒA
 NGUYỄN HỮU KIM

Tên họ ấu nhi: Hồ thị Mai Han
 Giới : Nữ
 Sinh : Hai mươi tám tháng hai năm 1969
 (Ngày, tháng, năm)
 Tại : Nhà sanh báo sĩ chấn Sadec
 Cha : Hồ kim Oương
 (Tên họ)
 Tuổi: 28 tuổi
 Nghề nghiệp: Thiếu úy
 Cư trú tại : KBC 49 02
 Mẹ : Trần thị Tuyết Mai
 (Tên họ)
 Tuổi: 22 tuổi
 Nghề nghiệp: Nội trợ
 Cư trú tại : Tân vinh hòa
 Vợ : Vợ chánh
 Người khai : Hồ kim Oương
 (Tên họ)
 Tuổi: 28 tuổi
 Nghề nghiệp: Thiếu úy
 Cư trú tại : KBC 49 02
 Ngày khai : 03 tháng 03 năm 1969
 Người chứng thứ nhất : Trần văn Sanh
 (Tên họ)
 Tuổi: 32 tuổi
 Nghề nghiệp: Quản nhan
 Cư trú tại : KBC 3516
 Người chứng thứ nhì : Hồ văn Bì
 (Tên họ)
 Tuổi: 22 tuổi
 Nghề nghiệp: Giáo viên
 Cư trú tại : Tân vinh hòa

Làm tại Tân vinh hòa ngày 03 tháng 03 năm 1969

Người khai,

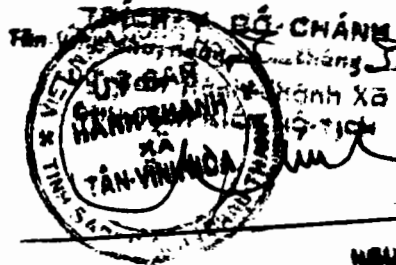
Hộ lại,

Nhân chứng -

Tên: Oương

Ký Tên: Kinh

Ký Tên: Sanh: Bì



NGUYỄN HỮU KINH

KHAI SANH

Tên họ ấu nhi: Hồ thị Mai Hân
 Giới : Nữ
 Sinh : Hai mươi tám tháng hai năm 1969
 (Ngày, tháng, năm)
 Tại : Nhà sanh báo sĩ chấn Sadec
 Cha : Hồ kim Oương
 (Tên họ)
 Tuổi: 28 tuổi
 Nghề nghiệp: Thiếu úy
 Cư trú tại : KBC 49 02
 Mẹ : Trần thị Tuyết Mai
 (Tên họ)
 Tuổi: 22 tuổi
 Nghề nghiệp: Nội trợ
 Cư trú tại : Tân vinh hòa
 Vợ : Vợ chánh
 Người khai : Hồ kim Oương
 (Tên họ)
 Tuổi: 28 tuổi
 Nghề nghiệp: Thiếu úy
 Cư trú tại : KBC 49 02
 Ngày khai : 03 tháng 03 năm 1969
 Người chứng thứ nhất : Trần văn Sanh
 (Tên họ)
 Tuổi: 32 tuổi
 Nghề nghiệp: Quân nhân
 Cư trú tại : KBC 3516
 Người chứng thứ nhì : Hồ văn B1
 (Tên họ)
 Tuổi: 22 tuổi
 Nghề nghiệp: Giáo viên
 Cư trú tại : Tân vinh hòa

Làm tại Tân vinh hòa ngày 03 tháng 03 năm 1969

Người khai,

Hộ lại,

Nhân chứng -

Tên: Oương

Ký Tên: Kinh

Ký Tên: Sanh: B1

NGUYỄN HỮU KINH

BỘ NỘI VỤ
Thủ Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại

Số 999 CRT

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thị trấn an văn, quyết định tha số 330 ngày 29 tháng 9 năm 1984

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Hồ Kim Cương Sinh năm 19 41

Các tên gọi khác: _____

Nơi sinh: Sa đéo

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 64/2 đường Trần phú, thị xã Sa đéo, Đồng tháp.

Can tội: Thiếu tá xử lý thường vụ tham mưu phó O. tranh chính trị.

Bị bắt ngày 20-6-75 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tống án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 64/2 đường Trần phú, thị xã Sa đéo, Đồng tháp.

Nhận xét quá trình cải tạo

- Quá trình cải tạo ở trại anh Cương đã cố gắng. Trong lao động, học tập và chấp hành nội qui trại có tiến bộ.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (mười hai tháng)

- ~~Đã bị quản chế~~ Đã được thả từ trại về dân cư.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, _____ Nơi về cư trú

Trước ngày 7 tháng 11 năm 1984

Làm tay người trả phải
Của Hồ Kim Cương
Danh bìn
Lập tại _____



Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Cương

Ngày 5 tháng 11 năm 1984
Giám thị

Trần

Thiếu tá Trần Văn...

GIẤY BẢY TRĂ

Kính nhân CAL B'
A/S cũ đã tưng
bố ngày 8. 11. 84

TM CAL

FS CA



Đi Văn Phòng

BỘ NỘI VỤ
Thủ Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại

Số 999 CRT

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thị trấn An Văn, quyết định tha số 330 ngày 29 tháng 9 năm 1984

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Hồ Kim Cương Sinh năm 19 41

Các tên gọi khác: _____

Nơi sinh Sa Đéo

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 64/2 đường Trần phú, thị xã Sa Đéo, Đồng Tháp.

Can tội: Thiếu tá xử lý thường vụ tham mưu phó O. tranh chính trị.

Bị bắt ngày 20-6-75 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tống án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 64/2 đường Trần phú, thị xã Sa Đéo, Đồng Tháp.

Nhận xét quá trình cải tạo

- Quá trình cải tạo ở trại anh Cương đã cố gắng. Trong lao động, học tập và chấp hành nội qui trại có tiến bộ.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (mười hai tháng)

- ~~Đã được giảm án~~ Đã được giảm án từ trại về dân cư

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, _____ Nơi về cư trú

Trước ngày 7 tháng 11 năm 1984

Làm tay người trở phải

Của Hồ Kim Cương

Danh bìn

Lập tại _____



Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Cương

Ngày 5 tháng 11 năm 1984

Giám thị

Trần

Điều tra viên

GIẤY RA TRẢ

Kính nhân CAL B'
ĐK ở đảo tnh
báo ngày 8. 11. 84

TM CAL

Fs' CA



Chore

Chore

ODP
Mẫu D
card
20

Sátéc ngày 1.1.1985

Chị Bảy,

Trước cho em gọi lời thăm Chị và các cháu luôn được
đời dào sức khỏe, nhờ chị chuyển lời thăm hỏi, mà em đến
vợ chồng Chị Năm, Thu và Anh Sáu Thông.

Em nhớ mãi vì Sátéc được 3 tháng 3 tuần, được người
quen của Chị Năm Haul gọi thăm chị và cho địa chỉ để em viết
lá thư này gọi đến chị, Chị Năm Thông Khà nòng. Chị có giúp đỡ
gì cho vợ chồng em và 5 cháu không? Thời gian cải tạo mà em
là gần 5 tháng 15 ngày. Chị và em em được ngày 30/4. 75 là
phụ tá C.T.C. cho đến khu lương thực khu Sátéc. Sàigòn của em 9/1/34163.
Cấp bậc: Thụ tá. Trình độ: cử tạ. 20/6. 75, thả ra thời hạn 5/12/1984.
Hiện đang ở Chi cục địa thí xin chị gọi thư về địa chỉ số 50.
Đường Trần. V. Văn D10. TP. Hồ. Chí Minh để bố tá ở hồ sơ.
Còn địa chỉ mà em em thí ở: Số 64/2 Đường Trần Phú Thủ Đức
Sátéc, vợ chồng em và 5 con đang cư trú với bố già ở Sátéc.
ít hàng - **RECEIVED** - Chị em được thư chị hỏi thăm.

APR 20 1985

Đứa em

Cu Nh

Hà Kim Cường

Gia cảnh: 610 5 con.

- Ông: Hồ Kim Cường. sinh năm 1942. căn cước số: 01275002 cấp ngày 14/3. 1969.

Vợ: Trần Thị Tuyết Mai. sinh năm 1947. c/k số: 1225356 cấp ngày 14/4. 1969.

Con: Hồ Thị Mai - Hương. - 1968.

: Hồ Thị Mai - Hân. - 1969.

: Hồ Trần Phương. - 1970.

: Hồ Thị Mai - Trâm. - 1971.

: Hồ Trần. P.K. - 1973.

Địa chỉ báo thư: Số 50 Đường Trần V. Văn Q. 10. TP. HCM.

Địa chỉ cũ trú: Số 64/2 Đường Trần Phú Thị xã Sàtéc.

Cần báo tờ báo số xin chỉ báo bằng thư về địa chỉ ở Saigon;
còn như tổng đặt giấy tờ xin chỉ gửi về Sàtéc cho em.

Dù thế nào, được hay không xin - chỉ - cũng cho tôi gửi
biết qua thư từ chỉ bày nhẹ. Mong tin chỉ.

Cẩn

T.B. Bé Sầu là ~~chồng~~ ^{chồng}

Chỉ biết vô anh ba Hào.

TRUNG BÀ

FROM:

Bé Sầu.
SADec.
SOUTH V.N.

THO 55 231347C1 04/13/85
NOTIFY SENDER OF NEW ADDRESS
THO'MINH KHUC
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635

VIET-N

24

TU CHINH
AY S

To:

KHUC MINH THO.
5555 COLUMBIA TKE, SUITE
D. ARLINGTON. VA 22204.



U.S.A.

PAR AVION AIR MAIL